TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PLEIKU
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 41/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 20/7/2018
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Ngô Xuân Dệt.
2. Bà Tô Thị Lành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thắng Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2018, tại Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 290/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2018, về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn**: Bà Bùi Thị T, sinh năm 1977.
Địa chỉ: 36 đường T, tổ 1, phường Y , thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. **Bị đơn:** Ông Nguyễn Đức K, sinh năm 1972.

Địa chỉ: 36 đường T, tổ 1, phường Y , thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 02/5/2018, tại bản khai và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Bùi Thị T bày:

Về hôn nhân: Bà T với ông K sau thời gian tìm hiểu và đi đến kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Y, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai, Giấy chứng nhận kết hôn số: 150, ngày 28/9/2000. Sau khi kết hôn cuộc sống của vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc nhưng sau đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, mâu thuẫn đã lâu cách đây 09 năm. Nguyên nhân chính là không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, ông K hay uống rượu quậy phá, nhiều lần đánh đập vợ con, ghen tuông vô cớ. Tòa án cũng tiến hành hòa giải nhiều lần, ông Kcó hứa sửa đổi, bà T đã cho cơ hội nhưng trong thời gian đó ông K không có thiệt chí hàn gắn, không

thay đổi. Bà T thấy tình cảm vợ chồng không còn và không thể chịu đựng được nữa, vì mâu thuẫn đã lâu và rất trầm trọng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, hiện nay vợ chồng đã sống ly thân được 05 tháng, không ai còn quan tâm đến ai, mặc dù đã sống ly thân nhưng thỉnh thoảng ông K vẫn đến nơi bà T ở và nơi làm việc chửi bới, quậy phá và mất uy tín của bà T nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông K.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Quang K, sinh ngày 12/07/2001; cháu Nguyễn Phương N, sinh ngày 12/02/2009. Hiện nay cháu K đang sống cùng ông K, cháu Nđang sống cùng bà T. Ly hôn, giao cho ông K nuôi cháu K, bà Ta nuôi cháu N.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa bị đơn ông Nguyễn Đức K trình bày:

- Về hôn nhân: Ông K và bà T kết hôn năm 2000 tại UBND phường Y, TP. P, tỉnh Gia Lai như lời bà T trình bày là đúng. Ông K thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn và mâu thuẫn đã lâu, ông K thừa nhận có đánh vợ và có những hành động không đúng và tự thấy như vậy là sai và hứa sửa đổi, ông K không muốn ly hôn vì còn thương yêu vợ, thương con.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Quang K, sinh ngày 12/07/2001 và cháu Nguyễn Phương N, sinh ngày 12/02/2009. Hiện nay cháu K đang sống cùng ông K, cháu Nđang sống cùng bà T. Ông K đồng ý như yêu cầu về nuôi con của bà T.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bà T và ông K mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị T. Xử cho bà Bùi Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Đức K; Giao cho bà Bùi Thị T nuôi nuôi cháu Nguyễn Phương N, sinh ngày 12/02/2009, giao cho ông Nguyễn Đức K nuôi cháu Nguyễn Quang K, sinh ngày 12/07/2001 là phù hợp và có căn cứ; Việc cấp dưỡng và tài sản chung không yêu cầu nên không xem xét; Về án phí nguyên đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân thành phố Pleiku nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Bùi Thị Thoa có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với ông Nguyễn Đức Kiệt có địa chỉ tại 36 đường T, tổ 1, phường Y , thành phố P, tỉnh Gia Lai. Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

[2] Về hôn nhân: Bà Bùi Thị T và ông Nguyễn Đức K kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân phường Y, TP. P, tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 150, ngày 28/9/2000. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của bà T và ông Klà hợp pháp.

[3] Bà T cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, ông K không lo làm ăn, hay uống rượu, ghen tuông vô cớ và thường xuyên đánh đập vợ con. Mâu thuẫn vợ chồng và đánh vợ con cũng được ông K thừa nhận trong biên bản hòa giải và tại phiên tòa nhưng ông K không đồng ý ly hôn vì cho rằng vẫn còn thương vợ con.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhiều lần nhưng không thành, mặt khác ông K không chứng minh được mình có thiện chí hàn gắn tình cảm, không chứng minh được ông vẫn còn thương yêu, quý trọng vợ để xây dựng một gia đình ấm no hạnh phúc nên hiện nay tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn.

Từ những lời khai, cùng với tài liệu chứng cứ khác đều thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông K là có thật, mâu thuẫn đã kéo dài và đã đến mức sâu sắc, vợ chồng không còn tôn trọng, chăm sóc nhau trong khoảng thời gian dài, họ không còn tình thương và niềm tin đối với nhau, thường xuyên xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm và uy tín của nhau.

Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông Kđã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Thoa.

[4] Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Quang K, sinh ngày 12/07/2001 và cháu Nguyễn Phương N, sinh ngày 12/02/2009. Hiện nay cháu K đang sống cùng với ông K, còn cháu N đang sống cùng bà T. Ly hôn bà T yêu cầu, giao cho ông K nuôi cháu K, bà T nuôi cháu N, yêu cầu này được ông K đồng ý và trên thức tế hiện nay ông K đang nuôi cháu K và bà T nuôi cháu N vẫn đảm bảo được quyền lợi của 02 cháu, mặt khác cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu N, riêng cháu K thể hiện nguyện vọng muốn sống với cả bố và mẹ vì cháu không muốn bố, mẹ

ly hôn. Xét thấy yêu cầu của bà T về nuôi dưỡng con chung là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, nên không xem xét.

[7] Về án phí: Bà T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng: Điều 51, Điều 54, Điều 56, Điều 58, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ: khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị T

- Về hôn nhân: Bà Bùi Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Đức K

- Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Quang K, sinh ngày 12/07/2001 cho ông Nguyễn Đức K trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu K đã thành niên và có khả năng lao động hoặc đã thành niên nhưng không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Giao con chung là cháu Nguyễn Phương N, sinh ngày 12/02/2009 cho bà Bùi Thị T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu N đã thành niên và có khả năng lao động hoặc đã thành niên nhưng không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

- Về cấp dưỡng: Không yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự. Toà án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Không bên nào được cản trở quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định việc thay đổi mức cấp dưỡng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Về án phí: Bà Bùi Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0003509 ngày 03 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Bà Bùi Thị T đã nộp đủ tiền án phí.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *VKSND Tp. Pleiku;*
- *Chi cục THADS tp Pleiku;*
- *TAND tỉnh Gia Lai;*
- *UBND phường Yên Đỗ, TP. Pleiku, Gia Lai GCNKH số:150, ngày 28/9/2000;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PLEIKU
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Pleiku, ngày 28 tháng 10 năm 2016

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà:* Bà **Nguyễn Thị Xuân Hồng**
- *Các hội thẩm nhân dân:* Bà **Trần Thị Lê Na** và ông **Ngô Xuân Dệt**

Căn cứ vào Điều 264 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Vào hồi 08 giờ 40 phút, ngày 28/10/2016, tại phòng nghị án, hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" giữa nguyên đơn là chị Phạm Thị Tường Nhi với bị đơn là anh Trần Quang Vinh.

Căn cứ vào các chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện ý kiến của những người thạm gia tố tụng; Hội đồng xét xử thảo luận và biểu quyết về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

1. Về điều luật áp dụng:

- Căn cứ Điều 147; khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 9, 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

2. Về nội dung vụ án:

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Tường Nhi.

Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Tường Nhi được ly hôn với anh Trần Quang Vinh.

Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Bảo Nam, sinh ngày 16/5/2015 cho chị Phạm Thị Tường Nhi được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên bị mất năng lực hành vi dân sự không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật; Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3

3. Về án phí và các nội dung khác:

- Về án phí: Chị Phạm Thị Tường Nhi phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002818 ngày 29/4/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai; chị Nhi đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Kết quả biểu quyết: 3/3

- Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai yêu cầu xét xử phúc thẩm; đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Kết quả biểu quyết: 3/3

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**